

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HS-ST

Ngày: 31 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoè;

Bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy - Kiểm sát viên cao cấp; ông **Phạm Công L** và ông **Nguyễn Anh Đ** - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Phòng xét xử số 01 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2026/HSST ngày 22/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Trần Sỹ H** sinh ngày: 01/10/1970, tại Quảng Bình (nay là Quảng Trị); nơi ĐKTT: 73 **L**, phường **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; nơi ở hiện nay: **A T**, phường **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD **Công ty H6**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Duy H1** và bà **Nguyễn Thị Minh K** (đều đã chết); vợ **Nguyễn Thị Thanh H2**, sinh năm 1969 (bị cáo trong vụ án); có 04 con (lớn sinh năm 1994; nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/12/2024 đến ngày 03/02/2026 được thay thế áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị Thanh H2** sinh ngày: 14/01/1972, tại Quảng Bình (nay là Quảng Trị); nơi ĐKTT: 73 **L**, phường **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; nơi ở hiện nay: **A T**, phường **Đ**, tỉnh **Quảng Trị**; nghề nghiệp: Phó TGD **Công ty H6**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Mạnh Đ1** và bà **Nguyễn Thị D** (đều đã chết); chồng **Trần Sỹ H**, sinh năm 1970 (bị cáo trong vụ án); có 04 con (lớn sinh năm 1994; nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại

phiên tòa.

3. **Ngô Thị H3** sinh ngày: 08/01/1984, tại Quảng Bình (nay là Quảng Trị); nơi cư trú: **Ngõ C P, tổ dân phố G, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng **Công ty H6**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Ngô Văn T** (đã chết) và bà **Lê Thị N**, sinh năm 1940; chồng **Trần Văn L1**, sinh năm 1983; có 01 con (sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

*** Người tham gia tố tụng:**

- *Người bào chữa:*

+ *Người bào chữa cho bị cáo* **Trần Sỹ H**: Luật sư **Trần Đại N1 - Công ty L2**; địa chỉ: **Số A N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**; có mặt.

+ *Người bào chữa cho bị cáo* **Nguyễn Thị Thanh H2 và Ngô Thị H3**: Luật sư **Nguyễn Hữu C - Công ty L3**. Địa chỉ: **Số D T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ **Công ty TNHH H6**; địa chỉ: **G L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**. *Người đại diện hợp pháp:* Bà **Trần Thị Cẩm H4**, sinh năm 1999; nơi cư trú: **G L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

+ Bà **Trần Thị Thảo T1**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **A, S, đường D, phường A, thành phố Hồ Chí Minh**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà **Trần Thị Cẩm H4**, sinh năm 1999; nơi cư trú: **G L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- *Người làm chứng:*

+ Bà **Trần Thị Kiều G**; địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường Đ, Quảng Trị**; có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị N2**; địa chỉ: **Tổ dân phố D L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH H6 (sau đây gọi tắt là **Công ty H6**) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100248521 của **Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Q** cấp lần đầu ngày 08/7/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/4/2023. Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ: **Số G L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị** (mới); ngành, nghề kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là **Trần Sỹ H** - Chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc công ty là **Nguyễn Thị Thanh H2** (vợ **Trần Sỹ H**); Kế toán trưởng công ty tại các thời điểm gồm **Trần Thị**

Kiều G (từ năm 2007 đến tháng 5/2018), Ngô Thị H3 (từ tháng 11/2018 đến tháng 9/2020) và Nguyễn Thị N2 (từ tháng 10/2020 đến 11/8/2023).

Công ty H6 được Bộ C1 cấp Giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu xăng dầu số 15-XD/GP-BCT, ngày 12/8/2013 (thời hạn 05 năm, từ ngày 12/8/2013 đến ngày 12/8/2018); Giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu xăng dầu số 22/GPXD-BCT, ngày 13/8/2018 (Thời hạn 05 năm, từ ngày 13/8/2018 đến ngày 13/8/2023). Như vậy, Công ty H6 là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu trong thời gian từ ngày 12/8/2013 đến ngày 12/8/2023.

Theo quy định xăng, dầu là hàng hóa thuộc loại phải thực hiện chính sách bình ổn giá trong nước. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu có nghĩa vụ trích lập Quỹ bình ổn giá; hạch toán và theo dõi riêng Q bình ổn giá bằng tài khoản mở tại ngân hàng T2; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc quản lý và đảm bảo bảo toàn số dư Quỹ bình ổn giá. Việc trích lập và chi sử dụng Quỹ bình ổn giá (viết tắt là quỹ BOG) được thực hiện theo quy định như sau:

- Mức trích lập Quỹ bình ổn giá: Là một khoản tiền cụ thể tính trên một lít, kg xăng, dầu thực tế tiêu thụ (đồng/lít, kg) theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ C1.

- Mức chi sử dụng Quỹ bình ổn giá: Là một khoản tiền cụ thể tính trên một lít, kg xăng, dầu thực tế tiêu thụ (đồng/lít, kg) theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ C1, được xem xét điều hành linh hoạt trong các trường hợp giá cơ sở tăng cao hoặc việc tăng giá xăng, dầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân.

- Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu chỉ được chi sử dụng Quỹ bình ổn giá theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ C1, không được sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu cho các mục đích khác.

- Số tiền trích lập, chi sử dụng Quỹ bình ổn giá trong kỳ phải được đối trừ và nộp kịp thời vào tài khoản Quỹ bình ổn giá tại ngân hàng.

Ngày 07/11/2013, Công ty H6 mở tài khoản tiền gửi thanh toán số 99999609989, tại Ngân hàng TMCP T2 (nay là Ngân hàng TMCP T2, viết tắt là L4) và sử dụng tài khoản này để theo dõi, hạch toán quỹ bình ổn giá của công ty. Tuy nhiên, trong thời gian là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, Công ty H6 không trích lập đủ số tiền phải trích lập vào quỹ BOG, đồng thời chi vượt số tiền được phép chi theo thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ C1. Cụ thể như sau:

Thời gian từ ngày 12/8/2013 đến ngày 13/8/2023:

Công ty H6 lập báo cáo gửi Bộ T3 và Bộ C1 thể hiện việc đã trích lập quỹ BOG tổng số tiền 224.115.253.384 đồng và đã chi sử dụng số tiền 153.245.090.375 đồng. Số liệu báo cáo này do Trần Sỹ H chỉ đạo các Kế toán trưởng lập không căn cứ theo số lượng xăng, dầu Công ty H6 bán ra và các thông báo điều hành kinh doanh xăng dầu của L5 - Bộ C1 để che giấu vi phạm về việc trích lập, sử dụng không đúng quỹ BOG. Thực tế, theo chỉ đạo của Trần Sỹ H, Công ty H6 chỉ trích lập quỹ BOG

tổng số tiền 157.292.749.853 đồng và đã chi sử dụng 156.983.000.000 đồng. Như vậy, Công ty H6 đã không trích lập đủ số tiền 66.822.503.531 đồng (224.115.253.384 - 157.292.749.853) và chi vượt số tiền 3.737.909.625 đồng (156.983.000.000 - 153.245.090.375), dẫn đến khi bị thu hồi giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu, theo quy định Công ty H6 phải chuyển nộp ngân sách nhà nước số dư quỹ BOG 71.932.426.945 đồng (gồm cả tiền lãi phát sinh) nhưng số tiền thực tế quỹ BOG của công ty chỉ đối trừ được 330 triệu đồng, gây thất thoát ngân sách nhà nước số tiền 71.602.426.945 đồng.

Theo chỉ đạo của Trần Sỹ H, các Kế toán trưởng của Công ty H6 gồm Trần Thị Kiều G, Ngô Thị H3 và Nguyễn Thị N2 đã lập các báo khống việc trích lập, sử dụng quỹ BOG đề Trần Sỹ H và Nguyễn Thị Thanh H2 duyệt, ký văn bản báo cáo liên Bộ về quỹ BOG theo từng giai đoạn tương ứng với mỗi Kế toán trưởng như sau:

- Giai đoạn từ ngày 12/8/2013 đến ngày 31/10/2018

Trần Thị Kiều G làm Kế toán trưởng Công ty H6 từ ngày 12/8/2013 đến ngày 30/4/2018. Trong thời gian này, G soạn thảo đề Trần Sỹ H hoặc Nguyễn Thị Thanh H2 ký các báo cáo quỹ BOG của Công ty H6 theo đúng quy định của liên Bộ, thể hiện tổng số tiền trích lập 157.579.868.526 đồng, số tiền chi quỹ 121.691.432.223 đồng nhưng thực tế Công ty H6 chỉ trích lập quỹ 81.360.479.551 đồng (trích lập thiếu 76.219.388.975 đồng) và chi sử dụng quỹ 51.358.000.000 đồng (chưa chi 70.333.432.223 đồng). Như vậy, trong thời gian Trần Thị Kiều G làm Kế toán trưởng, Công ty H6 trích lập thiếu quỹ BOG Số tiền 5.885.956.752 đồng (76.219.388.975 - 70.333.432.223).

Từ ngày 01/5/2018 đến ngày 31/10/2018, Trần Thị Kiều G nghỉ chế độ thai sản và nghỉ việc. Do Công ty H6 chưa có Kế toán trưởng thay cho G, Nguyễn Thị Thanh H2 đưa cho G ký khống chức danh Kế toán trưởng tại 02 giấy “Yêu cầu chuyển tiền” chưa điền nội dung để sử dụng chuyển tiền từ quỹ BOG khi cần thiết. Sau đó, Nguyễn Thị Thanh H2 chỉ đạo một nhân viên công ty (chưa xác định được ai) viết nội dung chuyển tiền 65 tỷ đồng từ tài khoản quỹ BOG, số 999999609989 đến tài khoản thanh toán, số 999999609999 của Công ty H6 mở tại L4 để sử dụng tiền quỹ BOG vào các mục đích khác (trong đó, lần 1, chuyển 30 tỷ đồng, ngày 07/5/2018; lần 2, chuyển 35 tỷ đồng, ngày 05/6/2018).

Trong thời gian Trần Thị Kiều G nghỉ việc (từ ngày 01/5/2018 đến ngày 31/10/2018), Công ty H6 báo cáo liên Bộ việc trích lập, chi quỹ BOG theo đúng quy định; trong đó: Số tiền đã trích lập 23.749.686.698 đồng, số tiền chi sử dụng 18.710.637.869 đồng, thực tế công ty trích lập 35.100.000.000 đồng (nộp vượt 11.350.313.302 đồng) và chi sử dụng 65.000.000.000 đồng (chi quá 46.289.362.131 đồng). Hậu quả, Công ty H6 đã sử dụng trái phép quỹ BOG số tiền 34.939.048.829 đồng (46.289.362.131 - 11.350.313.302). Như vậy, trong giai đoạn từ ngày 12/8/2013 đến ngày 31/10/2018, Công ty H6 không trích lập đủ và chi sử dụng trái phép quỹ BOG tổng số tiền 41.001.133.075 đồng (5.885.956.752 + 34.939.048.829 và lãi phát sinh).

- Giai đoạn từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/9/2020

Ngô Thị H3 làm kế toán trưởng **Công ty H6** từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/9/2020. Sau khi tiếp nhận số liệu quỹ BO của công ty (từ ngày 12/8/2013 đến ngày 30/10/2018), **H3** biết rõ **Công ty H6** báo cáo không số liệu quỹ BOG để che giấu số tiền thiếu hụt quỹ 41.001.133.075 đồng. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của **Trần Sỹ H**, **Ngô Thị H3** tiếp tục lập dự thảo báo cáo không số liệu trích lập và sử dụng quỹ BOG theo đúng quy định để **Trần Sỹ H** hoặc **Nguyễn Thị Thanh H2** ký báo cáo liên Bộ số liệu quỹ BOG không đúng thực tế. Cụ thể:

Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 30/9/2020, **Công ty H6** báo cáo trích lập quỹ BOG 41.407.231.902 đồng, được chỉ sử dụng 9.973.359.035 đồng, thực tế chỉ trích lập 40.500.000.000 đồng (thiếu 907.231.902 đồng) và đã chỉ sử dụng toàn bộ số tiền trích lập (dẫn đến chi trái phép 30.526.640.965 đồng). Tổng số, **Công ty H6** trích lập thiếu và chỉ sử dụng trái phép quỹ BOG số tiền 31.433.872.867 đồng (907.231.902 + 30.526.640.965).

Việc sử dụng trái phép số tiền 30.526.640.965 đồng được thực hiện như sau: Trong thời gian **Ngô Thị H3** làm Kế toán trưởng, **Công ty H6** được phép sử dụng từ quỹ BOG số tiền 9.973.359.035 đồng, nhưng ngày 07/01/2019, **Trần Sỹ H** chỉ đạo **Nguyễn Thị Thanh H2** và **Ngô Thị H3** ký giấy yêu cầu chuyển số tiền 40,5 tỷ đồng từ tài khoản quỹ BOG sang tài khoản kinh doanh của **Công ty H6** tại **L4** để sử dụng mua USD thanh toán tiền xăng, dầu nhập khẩu.

Như vậy, trong giai đoạn từ ngày 12/8/2013 đến ngày 31/10/2018, **Công ty H6** không trích lập đủ và chỉ sử dụng trái phép quỹ BOG tổng số tiền 72.454.903.186 đồng (31.433.872.867+41.001.133.075 và lãi phát sinh).

- Giai đoạn từ ngày 01/10/2020 đến ngày 11/8/2023

Nguyễn Thị N2 làm Kế toán trưởng **Công ty H6** từ ngày 01/10/2020 đến ngày 11/8/2023 (ngày **Công ty H6** bị thu hồi giấy phép kinh doanh xuất, nhập khẩu xăng dầu). Tại thời điểm ngày 01/10/2020, số dư thực tế quỹ BOG của **Công ty H6** bị thiếu hụt 72.454.903.186 đồng so với số liệu đã báo cáo liên Bộ nhưng **Nguyễn Thị N2** chấp thuận tiếp tục lập dự thảo báo cáo không số liệu trích lập, sử dụng quỹ BOG theo đúng quy định để giúp **Trần Sỹ H**, **Nguyễn Thị Thanh H2** che giấu việc sử dụng trái phép quỹ BOG. Tuy nhiên, trong thời gian từ ngày 01/10/2020 đến ngày 11/8/2023, **Công ty H6** không sử dụng trái phép quỹ BOG. Cụ thể: Công ty phải trích lập quỹ số tiền 1.378.466.258 đồng, thực tế đã trích lập 332.270.302 đồng (trích lập thiếu 1.046.195.956 đồng); công ty được phép sử dụng quỹ số tiền 2.869.661.248 đồng, đã chỉ sử dụng 125.000.000 đồng (còn được chi 2.744.661.248 đồng). Sau khi bị trục, **Công ty H6** còn được chi từ quỹ số tiền 1.698.465.292 đồng (2.744.661.248 - 1.046.195.956). Như vậy, **Nguyễn Thị N2** không trực tiếp gây thiệt hại quỹ BOG của **Công ty H6** trong thời gian làm Kế toán trưởng công ty.

Trong quá trình điều tra, các bị can **Trần Sỹ H**, **Nguyễn Thị Thanh H2** và **Ngô Thị H3** đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm như nêu

trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu giữ trong hồ sơ vụ án. Các bị can đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số 71.612.426.945 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả vụ án; trong đó, **Ngô Thị H3** nộp 20 triệu đồng, số còn lại là của **Trần Sỹ H** và **Nguyễn Thị Thanh H2**.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKTC-V3 ngày 21/01/2026 của VKSND tối cao đã truy tố bị can **Trần Sỹ H**, **Nguyễn Thị Thanh H2**, **Ngô Thị H3** tội: “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Sỹ H**, **Nguyễn Thị Thanh H2**, **Ngô Thị H3** phạm tội: “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 BLHS; xử phạt bị cáo **Trần Sỹ H**: từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2**: từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi.

Xử phạt bị cáo **Ngô Thị H3**: từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị các bị cáo và **Công ty H6** đối với toàn bộ trách nhiệm dân sự mà Công ty phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Trả lại các vật chứng thu giữ trong vụ án do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo: thừa nhận hành vi đã thực hiện như bản cáo trạng, mong muốn HĐXX xem xét tính chất hành vi và các tình tiết giảm nhẹ cho hưởng án treo để các bị cáo có điều kiện chấp hành bản án và cơ hội tiếp tục kinh doanh.

*Người bào chữa cho bị cáo **Trần Sỹ H** đề nghị:* Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo mức án treo.

*Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2** đề nghị:* Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát gồm các điểm b, s, t, khoản 1 khoản 2; Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo mức án treo nhẹ nhất.

*Người bào chữa cho bị cáo **Ngô Thị H3** đề nghị:* Bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian ngắn nhất từ năm 2018 đến năm 2020 nên vai trò thấp

nhất; đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định các điểm b, s, t, khoản 1 khoản 2; Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS để xử phạt bị cáo mức án treo thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Công ty H6 là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu từ ngày 12/8/2013 đến ngày 11/8/2023. Theo quy định của nhà nước về bình ổn giá xăng dầu, Công ty H6 phải thực hiện mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để trích lập và chi sử dụng quỹ BOG theo số lượng xăng dầu bán ra và thông báo điều hành giá xăng dầu của Bộ C1, Bộ T3; không được sử dụng quỹ BOG xăng dầu cho các mục đích khác. Nhưng Trần Sỹ H (Tổng giám đốc) và Nguyễn Thị Thanh H2 (Phó Tổng giám đốc) cùng thống nhất việc ký các báo cáo trích lập, sử dụng quỹ BOG của Công ty H6, gồm: Trích lập quỹ số tiền 224.115.253.384 đồng và đã chi sử dụng quỹ số tiền 153.245.090.375 đồng theo đúng quy định của nhà nước. Thực tế, Trần Sỹ H chỉ trích lập quỹ số tiền 157.292.749.853 đồng và đã chi sử dụng trái phép số tiền 156.983.000.000 đồng, dẫn đến thiếu hụt quỹ BOG, gây thất thoát ngân sách nhà nước số tiền 71.602.426.945 đồng.

Thực hiện chỉ đạo của Trần Sỹ H, Kế toán trưởng của Công ty H6 là Ngô Thị H3 trực tiếp thực hiện hành vi giúp cho bị cáo H và H2 chi sử dụng trái phép quỹ BOG số tiền 30.526.640.965 đồng và giúp sức che giấu cho H, H5 gây thiếu hụt quỹ BOG số tiền 72.454.903.186 đồng.

Hành vi nêu trên của Trần Sỹ H, Nguyễn Thị Thanh H2, Ngô Thị H3 đã phạm tội: “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Đối với Trần Thị Kiều G, Nguyễn Thị N2 là người làm công, hưởng lương mà phải thực hiện hành vi giúp sức cho Trần Sỹ H, Nguyễn Thị Thanh H2 che giấu hành vi phạm tội, G và N2 không trực tiếp thực hiện hành vi giúp cho H, H2 thực

hiện việc chi sử dụng trái phép quỹ BOG, gây thất thoát ngân sách Nhà nước nên chưa đến mức cần thiết truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bộ T3 và **Bộ C1** là đơn vị có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, giám sát **Công ty H6** trong việc thực hiện quy định về quỹ BOG nhưng trong thời gian 10 năm không phát hiện được việc trích thiếu và chi sử dụng sai quỹ BOG của **Công ty H6** do chưa có quy định yêu cầu thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu phải gửi sao kê tài khoản quỹ BOG, theo đó chưa có cơ chế phát hiện sai phạm nên chưa có đủ căn cứ xác định trách nhiệm của các cá nhân có liên quan tại **Bộ T3** và **Bộ C1** đối với hành vi và hậu quả của vụ án.

[4]. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài chính, các bị cáo là người được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước để trích lập và sử dụng quỹ BOG theo số lượng xăng dầu bán ra và thông báo điều hành của **Bộ T3**, **Bộ C1** không được sử dụng vào mục đích khác và biết những quy định trên nhưng vẫn cố tình vi phạm nên cần xử lý nghiêm minh.

[5]. Đây là vụ án có tính chất vai trò đồng phạm giản đơn; bị cáo **Trần Sỹ H** với vai trò Chủ tịch HĐQT – TGD là người chịu trách nhiệm chính là người chỉ đạo vợ là **Nguyễn Thị Thanh H2** và kế toán không trích lập đủ tiền hoặc chi không đúng theo quy định của pháp luật gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước; bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2** với vai trò Phó TGD đồng thời là vợ của bị cáo **H** nên cùng đồng phạm với bị cáo **H** mọi hoạt động thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo **H** chỉ đạo kế toán lập các báo cáo khống; bị cáo **Ngô Thị H3** với vai trò là Kế toán trưởng giúp là người có vai trò thấp nhất giúp sức cho bị cáo **H** và **H2**

[6]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra làm sáng tỏ vụ án; đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, b, t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra bị cáo **Trần Sỹ H**; **Nguyễn Thị Thanh H2** và **Ngô Thị H3** có bố, mẹ là người có công là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo **Trần Sỹ H**, **Nguyễn Thị Thanh H2** quá trình sinh sống và làm việc đã tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện tại địa phương trong hoạt động đền ơn đáp nghĩa phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ quỹ phòng chống dịch Covid có nhiều Giấy khen đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo **Trần Sỹ H** có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh H2** và **Ngô Thị H3** là người phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giúp sức không đánh kẻ nên

cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc trong khung hình phạt liên kề.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan chức năng, cơ quan tố tụng trong việc điều tra vụ án; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra (số tiền 71.602.426.945 đồng gây thất thoát ngân sách Nhà nước đã được khắc phục toàn bộ). Trong giai đoạn hiện nay để khuyến khích phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân tại Nghị quyết 68/NQ-TW ngày 04/5/2025 của Bộ về phát triển kinh tế tư nhân trong đó quy định ưu tiên việc khắc phục hậu quả thay vì trừng phạt, cho phép doanh nghiệp và doanh nhân được chủ động khắc phục sai phạm và đền bù thiệt hại, khi buộc phải xử lý hình sự, việc khắc phục hậu quả kinh tế vẫn được ưu tiên thực hiện trước và xem là căn cứ giảm nhẹ quan trọng.

Bị cáo **Trần Sỹ H** trong quá trình điều tra, truy tố cũng đã bị tạm giam thời gian 01 năm 01 tháng 16 ngày. Hiện nay bị cáo **H** đang điều hành 02 Dự án dự trữ xăng dầu quy mô lớn là **Kho cảng xăng dầu C2** và Tổng kho xăng dầu **P** - Nhà Bè. HĐXX thấy rằng, cần áp dụng mức án khoan hồng nhất đối với các bị cáo trong khi lượng hình cho các bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho các bị cáo điều hành doanh nghiệp và làm việc phát triển kinh tế là phù hợp với chính sách pháp luật mới đối với tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

[7]. Về khoản tiền bồi hoàn khắc phục hậu quả do các bị cáo đã nộp và Nghĩa vụ bồi hoàn nộp quỹ bình ổn giá xăng dầu (BOG) của **Công ty TNHH H6**.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã tự nguyện nộp để bồi hoàn khắc phục hậu quả vào tài khoản của Cục cảnh điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu mở tại kho bạc nhà nước, nay đã chuyển sang số tài khoản tạm giữ 3949.0.1054129.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị tổng số tiền 71.612.426.945 đồng trong đó, **Ngô Thị H3** nộp 20.000.000 đồng, số còn lại là của **Trần Sỹ H** và **Nguyễn Thị Thanh H2**. Hiện nay **Công ty TNHH H6** phải thực hiện hoàn nộp Quỹ bình ổn giá xăng dầu và ngân sách Nhà nước 71.602.426.945 đồng.

Trước và tại phiên tòa các bị cáo và **Công ty TNHH H6** thỏa thuận đề nghị sung ngân sách nhà nước: 71.602.426.945 đồng trong số tiền các bị cáo đã nộp để thực hiện nghĩa vụ hoàn nộp tiền quỹ BOG vào ngân sách Nhà nước cho **Công ty TNHH H6**. Đối với số tiền 10.000.000 đồng còn thừa trả lại cho **Công ty TNHH H6**. HĐXX xét thấy thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và Công ty.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với các tài sản tạm giữ trong quá trình điều tra của bị cáo **Trần Sỹ H** và chị **Trần Thị Thảo T1** không liên quan đến vụ án nên cần trả lại.

Xử lý số tiền các bị cáo đã nộp 71.612.426.945 đồng đã vào tài khoản của Cục cảnh điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu mở tại kho bạc nhà nước, hiện nay đã chuyển sang số tài khoản tạm giữ 3949.0.1054129.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị:

Sung vào ngân sách Nhà nước 71.602.426.945 đồng để khấu trừ hết nghĩa vụ hoàn nộp tiền quỹ BOG cho Công ty TNHH H6.

Hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng còn thừa cho Công ty TNHH H6.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Thấy rằng không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 219 BLHS.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Sỹ H, Nguyễn Thị Thanh H2, Ngô Thị H3 phạm tội: “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Sỹ H: 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/3/2026).

+ Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh H2: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/3/2026).

Xử phạt bị cáo Ngô Thị H3: 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/3/2026).

Giao các bị cáo cho UBND phường Đ, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử lý số tiền Các bị cáo đã nộp 71.612.426.945 đồng đã vào tài khoản của Cục cảnh điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu mở tại kho bạc nhà nước, hiện nay đã chuyển sang số tài khoản tạm giữ 3949.0.1054129.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị:

Sung vào ngân sách Nhà nước 71.602.426.945 đồng để khấu trừ hết nghĩa vụ hoàn nộp tiền quỹ BOG Công ty TNHH H6 phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng cho Công ty TNHH H6.

* Trả lại cho bị cáo Trần Sỹ H:

+ 01 Ipad Pro số seri: Q4WL5WV09H;

+ 01 máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu Asus Zenbook; Model: UX3402Z;

+ 01 máy tính xách tay (laptop) Sony Vaio; Model: PCG-81312L;

+ 01 điện thoại Redmi, S/N: 50921/F4QZ02600 (không kiểm tra được thông tin Note 13 Pro 5G do máy không khởi động lên được), máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy;

+ 01 điện thoại iPhone 6, màu vàng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

+ 01 điện thoại Nokia màu đen, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

+ 01 điện thoại OPPO, (không kiểm tra được thông tin Reno 6Z 5G; số seri: SOT8F6JJQ4AAW445 do máy không khởi động lên được), mặt sau lưng máy bị nứt vỡ, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

+ 01 điện thoại Samsung (không kiểm tra được thông tin Galaxy S24 Ultra; số seri: R5CX421Z7ZM do máy không khởi động lên được) máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

+ 01 điện thoại Iphone (không kiểm tra được thông tin 14 pro số seri: C2WRW7HL0J do máy không khởi động lên được) máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

+ 01 USB nhãn hiệu Sandisk 32 GB

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu WD, số seri: WXE209RJ0480

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu Seagate, số seri: NA0DJGFQ

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu KIOXIA, số seri: 305B80OJK5A1

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu Seagate, số seri: Z1E330WK

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu Seagate, số seri: Z9A2NFVH

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu WD, số seri: WCC4M0ER513K

* Trả lại cho bị cáo Trần Thị Thảo T1:

+ 01 máy tính All in one hiệu HP màu đen

+ 01 laptop hiệu lenovo màu đen

+ 01 máy tính All in one hiệu HP màu trắng

+ 01 USB nhãn hiệu SP màu trắng

+ 01 thẻ nhớ hiệu SONY màu xanh

+ 01 máy tính All in one hiệu HP màu trắng

- + 01 laptop hiệu DELL màu vàng đồng
- + 01 USB nhãn hiệu CA2 màu bạc
- + 01 CPU màu đen, không có nhãn hiệu
- + 01 USB nhãn hiệu Toshiba màu đen
- + 06 ổ cứng hiệu Seagate màu đen
- + 01 ổ cứng hiệu Toshiba màu đen
- + 02 ổ cứng hiệu WD màu đen
- + 01 ổ cứng hiệu SAMSUNG màu đen

(Vật chứng trên hiện có tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2026)

4. Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Trần Sỹ H, Nguyễn Thị Thanh H2, Ngô Thị H3** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đối với những nội dung liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện CT & KSXXPT tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Bộ Công an (C03).
- **Phòng hồ sơ - CA tỉnh;**
- Bị cáo;
- Người TGTT;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương